| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LÂM HÀ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 24/5/2022.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Hằng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Trọng Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H1. Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐA 3, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*2. Bị đơn:* Anh Lê Ngọc A, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐA 3, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*(Chị Hà có mặt; anh A có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:* Chị và anh A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Lâm Hà. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hoà thuận hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A nghiện ma túy. Từ khi anh A nghiện ma túy thì anh A không lo làm ăn mà chỉ kiếm tiền để mua ma túy sử dụng. Chị cũng đã khuyên nhủ nhiều lần và cho anh A nhiều cơ hợi nhưng anh A

vẫn không từ bỏ ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 13/6/2009; cháu Lê Ngọc Huỳnh, sinh ngày 07/4/2011 và cháu Lê Ngọc Hiếu, sinh ngày 27/10/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi các con chung và không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại bản tự khai anh Lê Ngọc A trình bày:* Anh và chị Hà xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Lâm Hà. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời và nghiện ma túy. Nay chị Hà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hà.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 13/6/2009; cháu Lê Ngọc Huỳnh, sinh ngày 07/4/2011 và cháu Lê Ngọc Hiếu, sinh ngày 27/10/2013. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Hà chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh A vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H1. Xử cho chị Hà và anh A được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 13/6/2009; cháu Lê Ngọc Huỳnh, sinh ngày 07/4/2011 và cháu Lê Ngọc Hiếu, sinh ngày 27/10/2013 cho chị Hà có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, giải quyết với nhau, anh A xác định không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Hà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về tố tụng*: Tại phiên toà, bị đơn anh Lê Ngọc A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh A theo thủ tục chung là phù hợp.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà và anh A xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 29/9/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Hà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị Hà vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh A nh. Chị Hà cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hoà thuận hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A nghiện ma túy. Từ khi anh A nghiện ma túy thì anh A không lo làm ăn mà chỉ lo kiếm tiền để mua ma túy sử dụng. Chị cũng đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh A vẫn không từ bỏ ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A để chị sớm ổn định cuộc sống. Anh A cũng thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời và nghiện ma túy. Nay chị Hà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hà.

Xét thấy, trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A nghiện ma túy. Từ khi nghiện ma túy thì anh A không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thấy rằng trong thời

gian chung sống tại địa phương thì vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A nghiện ma túy. Kinh tế trong gia đình một mình chị Hà phải tự lo để nuôi con cái. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà, xử cho chị Hà và anh A được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

*[3] Về con chung:* Chị Hà và anh A xác định vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 13/6/2009; cháu Lê Ngọc Huỳnh, sinh ngày 07/4/2011 và cháu Lê Ngọc Hiếu, sinh ngày 27/10/2013. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao con chung cho chị Hà có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay các con chung của anh chị đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị Hà. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng anh chị mâu thuẫn cho đến nay các con chung đều do chị Hà chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 13/6/2009; cháu Lê Ngọc Huỳnh, sinh ngày 07/4/2011 và cháu Lê Ngọc Hiếu, sinh ngày 27/10/2013 cho chị Hà có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Hà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

*[4] Về tài sản chung:* Chị Hà xác định về tài sản chung để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

*[5] Về nợ chung:* Chị Hà và anh A xác định về nợ chung vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

*[6] Về án phí:* Buộc chị Hà phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị H1, xử cho chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Ngọc A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 13/6/2009; cháu Lê Ngọc Huỳnh, sinh ngày 07/4/2011 và cháu Lê Ngọc Hiếu, sinh ngày 27/10/2013 cho chị Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Lê Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003097 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị Hà đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2022) nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Luân** **Trần Thị Hằng** **Nguyễn Hữu Dũng**